TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 27 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Bùi Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019;

Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1976 tại: xã P, huyện T , tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc H và bà Đỗ Thị V; có chồng là Đinh Trọng T và 02 con; tiến án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 18/5/2018, chuyển tạm giam ngày 27/5/2018; có mặt.

2. **Đinh Trọng T**, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1972 tại: xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Trọng C (đã chết) và bà Đỗ Thị L (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Đỗ Viết T, sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1991, nơi cư trú: xóm, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1950, nơi cư trú: thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Chị Lò Thị L, sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Trương Đức Q, sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1994, nơi cư trú: thôn 5, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

5. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Qg, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn 6, xã P, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

7. Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1990, nơi cư trú: thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn7, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

9. Anh Trịnh Minh S, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Tư D, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

11. Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn 6, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

12. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn 4, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 18/5/2018, Nguyễn Thị H và chồng là Đinh Trọng T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP379321, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16 mang tên người sử dụng Đinh Trọng T, địa chỉ thửa đất tại thôn, xã P, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, diện tích thửa đất 175m2 để chuyển nhượng

quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Doãn T với giá 200.000.000đ. Khi đến Văn phòng Công chứng Thọ Xuân làm hợp đồng, anh Trương Đức Q nhân viên văn phòng công chứng nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H và T xuất trình là giả nên đã đề nghị những người yêu cầu công chứng đến Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện để kiểm tra thì H đã lấy lại tờ giấy và cùng T bỏ đi. Anh Lê Doãn T đã điện báo Công an huyện Thọ Xuân. Nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã tiến hành xác minh truy đuổi và bắt được H tại xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy tờ có liên quan.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị H khai báo ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả H dùng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Doãn T thì trước đó vào ngày 08/5/2018, H và T đã sử dụng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AP379321, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16 mang tên người sử dụng Đinh Trọng T, địa chỉ thửa đất tại thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích thửa đất 175m2 để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Viết T, sinh năm 1991, trú tại thôn Q, xã X, huyện T chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ. Hợp đồng được Công chứng tại Văn phòng công chứng Thường Xuân. Hai bên đã giao nhận đủ số tiền 200.000.000đ.

Về nguồn gốc hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H khai báo và quá trình điều tra đã chứng minh được như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của gia đình H, vợ chồng H đã thế chấp cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần phát triển Hồ Chí Minh chi nhánh Thanh Hóa viết tắt là ngân hàng HD Bank Thanh Hóa để vay 600.000.000đ bằng 02 hợp đồng tín dụng là: Hợp đồng tín dụng số 3603/17/HĐTDTDH-CN/240 ngày 04/8/2017 số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng và Hợp đồng tín dụng số 3602/17/HĐTDTDH-CN/240 ngày 04/8/2017 số tiền vay 300.000.000đ , thời hạn vay 84 tháng. Và được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3602/17/HĐBĐ-240 ngày 04/8/2017 tại Văn phòng công chứng Hạc Thành. Tính đến ngày 08/5/2018, vợ chồng H vẫn chưa trả hết số tiền nợ trên. Do còn nhiều khoản nợ khác và khi vào mạng xã hội Zalo thấy có quảng cáo về làm giả các loại giấy tờ nên H đã truy cập, liên hệ theo số điện thoại và gặp một người đàn ông xưng tên Quốc Vương ở thành phố Hồ Chí Minh. Vương nói với H có thể làm giả được tất cả các loại giấy tờ, H đã gửi qua Zalo hình ảnh chụp tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của gia đình tại thôn 7, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cho Vương để lấy thông tin làm giả và đặt Vương làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật có số AP379321, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích thửa đất 175m2, mang tên người sử dụng Nguyễn Thị H, nhưng ở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả H yêu cầu Vương làm mang tên Đinh Trọng T là chồng của H để tránh bị phát hiện. Vương đồng ý làm và yêu cầu H phải chuyển tiền đặt cọc trước là 500.000đ vào tài khoản ngân hàng cho Vương, còn 15.000.000đ khi nào lấy đủ hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì H trả sau theo đường bưu điện. Ngày 02/5/2018, H đã đến ngân hàng Agribank chi nhánh Thọ Xuân chuyển khoản 500.000đ cho Vương.

Sau khi Vương thông báo đã làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thứ nhất, ngày 04/5/2018 H trực tiếp đi máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh, đến sân bay H gọi điện thoại cho Vương vào số máy 0933649823 nói đang đứng ở sân bay. Vương bảo H đứng chờ sẽ có người giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H. H đứng chờ sau đó có một người đến gặp H giao giấy cho H, H không biết là ai, người đó có phải là Vương hay không. Nhận giấy xong H đi máy bay quay về Thọ Xuân ngay trong đêm. Cuống vé máy bay hai chiều đi, về của H Cơ quan điều tra đã tạm giữ. Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trong tay, H lên mạng tìm các Công ty tư vấn hỗ trợ tài chính ở Thọ Xuân và tìm được thông tin về Công ty F..., trụ sở tại thị trấn L, huyện T. H liên hệ theo số điện thoại gặp nhân viên của Công Ty là anh Nguyễn Tư D, sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã X sau đó đặt vấn đề chuyển nhượng đất để lấy tiền. Người của công ty hẹn sẽ xuống nhà H xem đất. Do Công ty F không đủ tiền để mua đất nên đã giới thiệu cho Đỗ Viết T. Trưa ngày 05/5/2018, anh Nguyễn Tư D và anh Đỗ Viết T đến nhà H ở thôn, xã P, huyện T xem đất. Tại nhà, H đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho D và T xem, Lúc đó T có mặt và cũng được xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Ngày 07/5/2018, H trực tiếp liên lạc với anh Đỗ Viết T để thỏa thuận vấn đề chuyển nhượng và T đồng ý. Trọng yêu cầu H chuẩn bị các giấy tờ cá nhân của hai vợ chồng để đến Văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 08/5/2018, H cùng T đi lên xã X gặp anh T và hai bên thống nhất đến Văn phòng công chứng Thường Xuân để làm hợp đồng chuyển nhượng. Tại văn phòng công chứng nhân viên văn phòng là chị Lò Thị L và Công chứng viên Hà Ngọc T không phát hiện ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên Công chứng viên đã công chứng cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi công chứng xong thì H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho T và T đã giao đủ số tiền 200.000.000đ cho vợ chồng H. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên H và T mang đi trả nợ cho 09 cá nhân và trả tiền nợ ngân hàng HD bank Thanh Hóa, trong đó T cùng H đi trả nợ cho 02 cá nhân, những nơi còn lại do H trả.

Thấy thủ đoạn trên có thể dễ dàng chiếm đoạt được tiền của người khác và do cần tiền trả nợ, H tiếp tục đặt Vương làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thứ hai và gửi về cho H bằng đường chuyển phát nhanh của Viettel Post, do nhân viên của Viettel Post là anh Nguyễn Đình Q chuyển phát. H nhận bưu phẩm bên trong có đựng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thứ 2 và thanh toán số tiền 15.000.000đ cho anh Q. Trong quá trình đặt Vương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì H đã đến gặp Nguyễn Doãn T làm cửa hiệu cầm đồ tại xã X để thỏa thuận đặt vấn đề chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 200.000.000đ và anh T đã đồng ý. Ngày 18/5/2018 vợ chồng H đến gặp Nguyễn Doãn T rồi hai bên cùng đến Văn phòng công chứng Thọ Xuân để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại Văn phòng công chứng nhân viên văn phòng đã phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H và T đưa ra để làm Hợp đồng là giả.

Ngày 21/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân ra Quyết định trưng cầu giám định số 82/CSĐT trưng cầu giám định hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng H đã sử dụng để chuyển nhượng đất. Tại Bản Kết luận giám định số 1017/GĐ-PC54 ngày 25/5/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 379321 cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) không giống nhau, được làm giả bằng phương pháp in màu;

- Hình dấu tròn màu đỏ, nội dung "Ủy ban ND huyện Thọ Xuân T. Thanh Hóa" ở mục "TM. Ủy ban Nhân dân - KT Chủ tịch - Phó Chủ tịch" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung ở mục "TM. Ủy ban Nhân dân - KT Chủ tịch- Phó Chủ tịch" trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2 và M3) không cùng một con dấu đóng ra, được làm giả bằng phương pháp in màu;

- Chữ ký đứng tên Lê Văn Biền ở mục "TM. Ủy ban Nhân dân - KT Chủ tịch - Phó Chủ tịch" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Lê Văn Biền ở mục "TM. Ủy ban Nhân dân - KT Chủ tịch - Phó Chủ tịch" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra Đinh Trọng T khai báo không biết H liên hệ với ai để mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, việc này mình H chủ động không bàn bạc trước với T. Khi anh Đỗ Viết T và Nguyễn Tư D xuống nhà tại thôn, xã P xem đất để thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì T mới biết sự việc trên. Mặc dù, T biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H dùng để chuyển nhượng đất lấy tiền là giả nhưng vì là vợ chồng, gia đình cần tiền trả bớt nợ, nên T vẫn cùng H ký vào hai Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào các ngày 08 và 18/5/2018 để chiếm đoạt tiền của người khác và thực tế sau khi chiếm đoạt được tiền H và T đã trả nợ cho 09 cá nhân, trong đó H và T cùng đi trả nợ cho 02 cá nhân. H và T mới chỉ chiếm đoạt được tiền của anh Đỗ Viết T, còn của anh Nguyễn Doãn T do bị phát hiện nên chưa chiếm đoạt được.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà H sử dụng ngày 18/5/2018 Cơ quan điều tra đã thu giữ, cùng ngày anh Đỗ Viết T đã giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà vợ chồng H đã sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tiền vào ngày 08/5/2018 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng với bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị H, Đinh Trọng T cho bên nhận chuyển nhượng là Đỗ Viết T lập tại Văn phòng công chứng Thường Xuân. Ngày 24/5/2018, Công chứng viên Hà Ngọc T giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 379321; 01 bản photo sổ hộ khẩu số 571074777 tên chủ hộ Nguyễn Thị H; 01 bản photo sổ hộ khẩu tên chủ hộ Đỗ Viết T; 01 bản sao photo chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Viết T; 01 bản sao photo chứng minh nhân dân mang tên Đinh Trọng T; 01 bản sao photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H; 01 phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản; 01 bản sao photo Quyết định về việc bổ nhiệm công chứng viên.

Anh Nguyễn Doãn T khi làm việc với Cơ quan điều tra đã giao nộp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị H, Đinh Trọng T cho bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Doãn T lập tại Văn phòng công chứng Thọ Xuân có chữ ký xác nhận của hai bên nhưng chưa được công chứng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H phát hiện, tạm giữ một phong bì thư chuyển phát nhanh của Viettel Post có dấu bưu cục Tân Phú đề ngày 15/5/2018. Tên người gửi là H, tên người nhận là H địa chỉ thôn , xã P, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cơ quan điều tra còn tạm giữ của Nguyễn Thị H một căn cước công dân, một sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh thư nhân dân của Đinh Trọng T xét thấy những tài liệu, giấy tờ trên không phải là vật chứng của vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T đã bồi thường cho bị hại là anh Đỗ Viết T số tiền 101.000.000đ. Còn lại số tiền 99.000.000đ anh Đỗ Viết T yêu cầu Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTX ngày 08/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội " Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo quy định tại khoản 3 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đinh Trọng T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu; bị hại là anh Đỗ Viết T khẳng định nội dung Cáo trạng nêu là đúng và có ý kiến yêu cầu các bị cáo H và T phải bồi thường số tiền còn lại là 99.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"; bị cáo Đinh Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"; tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Trọng T từ 06 năm 06 tháng đến 06 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Viết T số tiền là 49.500.000đ.

Về án phí: đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, nội dung kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 02/5/2018 đến ngày 17/5/2018, thông qua mạng xã hội Zalo Nguyễn Thị H đã có hành vi mua của đối tượng tên Vương ở thành phố Hồ Chí Minh 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả theo các thông tin do H cung cấp với tổng số tiền là 15.500.000đ. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, vào ngày 08/5/2018, Nguyễn Thị H cùng chồng là Đinh Trọng T đã có hành vi dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AP379321, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16, mang tên người sử dụng Đinh Trọng T, địa chỉ thửa đất tại thôn , xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích thửa đất 175m2 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Viết T chiếm đoạt 200.000.000đ; số tiền chiếm đoạt được các bị cáo đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu chung. Đến ngày 18/5/2018, Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T lại tiếp tục thực hiện việc lừa đảo bằng hình thức và thủ đoạn sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thứ hai số AP379321, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16, mang tên người sử dụng Đinh Trọng T, địa chỉ thửa đất tại thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích thửa đất 175m2 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Doãn T nhằm chiếm đoạt 200.000.000đ của anh T. Hai bên đã thỏa thuận xong và đến Văn phòng công chứng Thọ Xuân để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi nhân viên Văn phòng công chứng kiểm tra giấy tờ có nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, nên Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T đã không thực hiện được tội phạm đến cùng và chưa chiếm đoạt được tài sản của anh Nguyễn Doãn T. Đinh Trọng T không biết nguồn gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả Nguyễn Thị H sử dụng do đâu mà có nhưng vẫn đi cùng H và ký vào hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất để giúp H chiếm đoạt tiền của anh Đỗ Viết T, nếu không có T tham gia thì H không thể một mình thực hiện được; hành vi của Đinh Trọng T đã giúp sức cho Nguyễn Thị H trong việc thực hiện tội phạm.

Các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Viết T 200.000.000đ và có mục đích chiếm đoạt của anh Nguyễn Doãn T 200.000.000đ, nhưng chưa chiếm đoạt được thì bị phát hiện là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị H còn có hành vi liên hệ, mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và sử dụng để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, nên bị cáo Nguyễn Thị H còn phạm tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn đưa ra tài liệu, giấy tờ giả, thông tin giả và bằng lời nói dối để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của các bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo tạo nên dư luận xấu trong nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đối với bị cáo H còn có hành vi liên hệ nhờ người khác làm giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan tổ chức và sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước là khách thể được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo. Do đó cần thiết phải quyết định mức hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và buộc phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo H và T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, qúa trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo H và T đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Đỗ Viết T được số tiền 101.000.000đ; ngoài ra bị cáo H có bố đẻ, còn bị cáo T có mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Bằng khen và Huân chương kháng chiến, nên cho các bị cáo H và T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Các bị cáo H và T đều phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, thể hiện trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt. Do đó, xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[5] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó: Bị cáo H là người chủ mưu, rủ rê bị cáo T và là người thực hành tích cực nhất nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án; bị cáo T được bị cáo H rủ rê và biết được việc bị cáo H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa chuyển nhượng đất cho người khác lấy tiền, nhưng vẫn giúp sức cho bị cáo H thực hiện tội phạm, mức độ tham gia của bị cáo T trong vụ án là hạn chế, nên xếp bị cáo ở vai trò sau cùng trong vụ án và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T bằng hình phạt tù như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với bị cáo T phạm tội với vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo H đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án; thời gian bị cáo bị cáo bị tạm giữ tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo bị xử phạt tù, hiện không có tài sản, lại đang nuôi 02 con nhỏ, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo H và T chiếm đoạt của anh Đỗ Viết T số tiền 200.000.000đ; Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tư nguyện bồi thường cho anh T được 101.000.000đ, anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh số tiền còn lại. Các bị cáo chiếm đoạt tài sản và sử dụng vào việc trả nợ, chi tiêu chung, nên buộc các bị cáo H và T phải liên đới bồi thường cho anh T số tiền là 99.000.000đ. Chia phần bị cáo H và T mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền là 49.500.000đ.

[9] Đối với Công chứng viên Văn phòng Công chứng Thường Xuân là ông Hà Ngọc T khi thực hiện nhiệm vụ công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã không phát hiện và không biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nguyễn Thị H, Đinh Trọng T sử dụng là giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân không xử lý trách nhiệm là đúng theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này theo lời khai của H còn có đối tượng tên Vương ở thành phố Hồ Chí Minh là người làm và bán giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Hạnh, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được là ai, địa chỉ ở đâu. Địa chỉ đăng ký tài khoản Ngân hàng Sacombank khi xác minh thì đó là cửa hàng bán quần áo, không có ai tên Vương cư trú tại đó, nên chưa có căn cứ xử lý trách nhiệm. Cơ quan điều tra đã Quyết định tách hành vi "làm giả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về vật chứng vụ án: là các tài liệu, giấy tờ do Cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình điều tra, hiện đang được lưu kèm theo hồ sơ vụ án, nên không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Trọng T;

Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ vào Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"; bị cáo Đinh Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 11 (mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2018.

Xử phạt bị cáo Đinh Trọng T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Viết T số tiền 49.500.000đ (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thị H và Đinh Trọng T mỗi bị cáo phải

chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.475.000đ án phí dân sự thẩm, tổng cộng là 2.675.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến